TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2025/DS-ST
Ngày: 17-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thảo Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

Ông Cao Minh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Đính - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, 17 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2025/TLST-DS, ngày 04 tháng 3 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Châu Thị T** sinh năm 1980. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị Bé N**, sinh năm 1984. (có mặt)

Ông **Trần Văn C**, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2024 và lời khai của bà Châu Thị T là nguyên đơn trình bày:

Bà T có làm đầu thảo hụi và mở nhiều dây hụi, vợ chồng bà N và ông C tham gia các dây hụi sau:

Dây 1: ngày 05/6/2011 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, ông Cư và bà N tham gia 01 phần, gồm 25 phần, có 25 người tham gia, đầu thảo được hưởng hoa hồng là 1.000.000 đồng. Bà N và ông C hốt hụi lần thứ 5, số tiền bao nhiêu không nhớ vì đã đâu. Sau đó, bà N và ông C không đóng hụi chết, còn nợ lại 20 kỳ bằng số tiền 40.000.000 đồng.

Dây 2: ngày 10/9/2012 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, ông C và bà Ntham gia 01 phần, gồm 28 phần, có 28 người tham gia, đầu thảo được hưởng hoa hồng là 1.000.000 đồng. Bà N và ông C hốt hụi lần thứ 6, số tiền bao nhiêu không nhớ vì đã đâu. Sau đó, bà N và ông C không đóng hụi chết, còn nợ lại 22 kỳ bằng số tiền 44.000.000 đồng.

Dây 3: ngày 20/10/2013 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, ông C và bà N tham gia 01 phần, gồm 25 phần, có 25 người tham gia, đầu thảo được hưởng hoa hồng là 1.000.000 đồng. Bà N và ông C hốt hụi lần thứ 02, số tiền bao nhiêu không nhớ vì đã đâu. Sau đó, bà N và ông C không đóng hụi chết, còn nợ lại 23 kỳ bằng số tiền 46.000.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hụi là 130.000.000 đồng chưa đóng hụi chết cho bà T. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N và ông C phải trả số tiền hụi còn nợ 130.000.000 đồng.

Bà Lê Thị Bé N là bị đơn trình bày và có yêu cầu như sau:

Bà N có tham gia hụi do bà T làm đầu thảo, bà N tham gia nhiều dây. Vì đã quá lâu nên không nhớ cụ thể từng dây hụi, danh sách hụi viên cũng không nhớ, đã đóng hụi bao nhiêu tiền cũng không nhớ, còn nợ bao nhiêu tiền hụi cũng không nhớ. Tờ giấy tập ghi nội dung "*tôi tên Lê Thị Bé N có chơi hụi của chị Châu Thị T năm 2016 là cộng lại 130.000.000 đồng*" là do bà T viết, còn chữ ký là của bà N. Từ ngày viết đến nay, bà N trả được cho bà T được khoảng 60.000.000 đồng, rồi chơi mấy chưng hụi để trừ được vài kỳ thì bỏ luôn. Nên giờ cũng không biết bao nhiêu. Hiện tại bà N chỉ thừa nhận còn nợ bà T 70.000.000 đồng. Vì bà T cứ đòi suốt, nên mỗi lần đòi thì có khi bà N trả, có khi không trả. Bà N và ông C chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 70.000.000 đồng.

Ông Trần Văn C là bị đơn trình bày và có yêu cầu như sau:

Bà Châu Thị T yêu cầu vợ chồng ông cùng trả số tiền 130.000.000 đồng. Vợ chồng ông chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 70.000.000 đồng.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án trong thời gian chuẩn bị xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị T. Buộc ông Trần Văn C và bà Lê Thị Bé N phải có trách nhiệm trả cho bà Châu Thị T số tiền hụi còn nợ là 130.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Bé N và ông Trần Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị T. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi". Vụ án có bị đơn bà Lê Thị Bé N và ông Trần Văn C cư trú tại ấp T, xã Đ, thành phố TV, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông C là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

- *Xét yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị T về việc buộc bà Lê Thị Bé N và ông Trần Văn C phải có nghĩa vụ trả cho bà Tiền số tiền hụi còn nợ là 130.000.000 đồng.*

Trước đây, bà Châu Thị T làm đầu thảo hụi, có mở nhiều dây hụi khác nhau. Mặc dù, bà T đã không còn lưu sổ hụi, không cung cấp được danh sách hụi viên của từng dây hụi. Nhưng bà N thừa nhận có tham gia giao dịch góp hụi do bà T làm đầu thảo và thừa nhận số tiền hụi tính đến năm 2016 là 130.000.000 đồng. Bà N và ông C cho rằng kể từ ngày bà N viết biên nhận cho bà T thì bà N đã thanh toán cho bà T thêm một khoản tiền nữa nhưng không xác định được là bao nhiêu tiền và bà N, ông C chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 70.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, ngoài lời trình bày của bà N, ông C thì bà N và ông C không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh số tiền đã thanh toán cho bà T. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà Tòa án đã thu thập, đủ cơ sở xác định bà N và ông C có tham gia trong giao dịch góp hụi với bà Châu Thị T. Bà N có viết biên nhận, thừa nhận còn nợ bà T số tiền hụi 130.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà N thừa nhận số

tiền hụi hốt về để phục vụ sinh hoạt gia đình. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn C và bà Lê Thị Bé N phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền hụi 130.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Bé N và ông Trần Văn C phải chịu án phí là 6.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị T.

Buộc bà Lê Thị Bé N và ông Trần Văn C phải có nghĩa vụ trả cho bà Châu Thị T số tiền hụi còn nợ là 130.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Bé N và ông Trần Văn C phải chịu án phí là 6.500.000 đồng.

Bà Châu Thị T không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Châu Thị T số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001236 ngày 28/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP. Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thảo Nguyên